

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của
Quỹ phát triển đất tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất;

Căn cứ Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất;

Căn cứ Nghị quyết số 594/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua mức vốn điều lệ của Quỹ phát triển đất tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa quy định về thẩm quyền, quy trình lập, tổng hợp, phê duyệt kế hoạch ứng vốn; thẩm quyền quyết định ứng vốn từ Quỹ phát triển đất tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 13107/TTr-STC ngày 04/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Nội vụ; Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất tỉnh Thanh Hóa, Hội đồng quản lý Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa; Giám đốc Quỹ phát triển đất tỉnh Thanh Hóa, Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XI, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Nội vụ (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC, THĐT, CNXDKH, NNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoài Anh

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Thanh Hóa
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi và nơi đặt trụ sở chính

- Tên gọi: Quỹ phát triển đất tỉnh Thanh Hóa.
- Nơi đặt trụ sở chính: Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, chức năng, nguyên tắc hoạt động và người đại diện theo pháp luật

- Quỹ phát triển đất tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Quỹ) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.
- Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ.
- Quỹ có chức năng tiếp nhận, huy động vốn theo quy định để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều 114 Luật Đất đai năm 2024, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
- Quỹ hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.
- Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc Quỹ.

Chương II NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Điều 3. Nhiệm vụ của Quỹ

- Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn.
- Thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn theo quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; thực hiện thu hồi vốn ứng theo quy định.
- Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản, kế toán, kiểm toán và các quy định khác có liên quan.

4. Quyết định dừng, thu hồi vốn ứng khi phát hiện tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng hoặc chậm hoàn trả vốn ứng.

5. Kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng, thu hồi vốn ứng và xác định chi phí quản lý vốn ứng theo quy định.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng vốn hoạt động của Quỹ theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 4. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.

2. Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động của Quỹ.

3. Kiểm tra việc tuân thủ mục đích sử dụng vốn ứng của dự án, nhiệm vụ được Quỹ ứng vốn.

4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn ứng.

5. Các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Chương III

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 5. Mô hình hoạt động và cơ cấu tổ chức

1. Mô hình hoạt động: Quỹ hoạt động theo mô hình ủy thác cho Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa quản lý Quỹ.

2. Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có:

a) Hội đồng quản lý.

b) Ban kiểm soát.

c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ là Ban điều hành của Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa.

3. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này; thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát Quỹ, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Điều lệ này.

Điều 6. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có 05 thành viên, gồm: Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, 02 Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và 02 thành viên.

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) 01 Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng quản lý Quỹ là Giám đốc Sở Tài chính.

c) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Giám đốc Quỹ.

d) 02 thành viên Hội đồng quản lý Quỹ là đại diện lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm và khen thưởng, kỷ luật (nếu có) Chủ tịch Hội đồng quản lý, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý, các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều này. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản lý, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý, các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ là 05 năm.

2. Thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động kiêm nhiệm. Thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng (Phụ trách kế toán) Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

3. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý Quỹ được thực hiện bằng văn bản.

b) Các kết luận của Hội đồng quản lý Quỹ được thể hiện bằng nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

c) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ (trong trường hợp biểu quyết tại cuộc họp).

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Quỹ theo đúng quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất (sau đây gọi tắt là Nghị định số 104/2024/NĐ-CP), Nghị định

số 291/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất (sau đây gọi tắt là Nghị định số 291/2025/NĐ-CP) và Điều lệ này; bảo toàn và phát triển vốn.

b) Ban hành hoặc sửa đổi quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy chế khác theo quy định tại Điều lệ này; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

c) Giám sát, kiểm tra Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trong việc chấp hành chính sách, pháp luật và việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

d) Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ; phê duyệt kế hoạch ứng vốn và quyết định ứng vốn theo quy định và thẩm quyền.

đ) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

e) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm và khen thưởng, kỷ luật (nếu có) các thành viên của Ban kiểm soát Quỹ theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

g) Đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm và khen thưởng, kỷ luật (nếu có) Chủ tịch Hội đồng quản lý, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý, các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Trưởng Ban kiểm soát Quỹ, Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ.

h) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật.

i) Được sử dụng con dấu của Quỹ và Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.

k) Thông qua Kế hoạch tài chính hằng năm của Quỹ.

l) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung vốn Điều lệ cho Quỹ.

m) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và quy định tại Điều lệ này, pháp luật có liên quan.

Điều 7. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát Quỹ có 02 thành viên, gồm: Trưởng Ban kiểm soát và 01 thành viên.

a) Trưởng Ban kiểm soát là Trưởng Ban kiểm soát Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa.

b) 01 thành viên Ban kiểm soát là thành viên Ban kiểm soát Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm và khen thưởng, kỷ luật (nếu có) Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát Quỹ thực hiện theo quy định tại điểm e, điểm g khoản 4 Điều 6 Điều lệ này. Nhiệm kỳ của Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát Quỹ là 05 năm.

2. Thành viên của Ban kiểm soát hoạt động kiêm nhiệm. Thành viên của Ban kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng (Phụ trách kế toán) Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát Quỹ:

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, các quy chế, quy trình của Quỹ.

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực của Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

c) Thẩm định báo cáo tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật.

d) Lập kế hoạch hoạt động, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, giám sát.

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ giao.

Điều 8. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ

1. Thành phần của Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ:

a) Giám đốc Quỹ do Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa kiêm nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ; 01 Phó Giám đốc Quỹ do 01 Phó Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa kiêm nhiệm, có nhiệm vụ giúp Giám đốc Quỹ điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công và ủy quyền, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền; phụ trách kế toán Quỹ do lãnh đạo cấp phòng của Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa kiêm nhiệm và các phòng của Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa để thực hiện nhiệm vụ của Quỹ.

b) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm và khen thưởng, kỷ luật (nếu có) Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ thực hiện theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 6 Điều lệ này; việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn

nhệm và khen thưởng, kỷ luật (nếu có) phụ trách kế toán Quỹ do Giám đốc Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật. Nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ, phụ trách kế toán Quỹ là 05 năm.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, Nghị định số 291/2025/NĐ-CP, Điều lệ này, các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Trình Hội đồng quản lý Quỹ ban hành hoặc sửa đổi quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy chế khác quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

c) Tổng hợp, xây dựng kế hoạch ứng vốn của Quỹ.

d) Trực tiếp quản lý nguồn vốn hoạt động, tài sản của Quỹ.

đ) Xây dựng kế hoạch tài chính hằng năm trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua.

e) Thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, Nghị định số 291/2025/NĐ-CP, Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Chương IV

NGUỒN VỐN HOẠT ĐỘNG VÀ VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUỒN VỐN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 9. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Vốn điều lệ:

a) Vốn điều lệ ban đầu của Quỹ là 1.007.502.000.000 đồng (Một nghìn, không trăm linh bảy tỷ, năm trăm linh hai triệu đồng).

b) Vốn điều lệ bổ sung được cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương và cấp từ nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của Quỹ sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách của địa phương và nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức vốn điều lệ bổ sung cấp cho Quỹ.

2. Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

Điều 10. Việc quản lý nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Việc quản lý vốn điều lệ:

a) Việc cấp vốn điều lệ cho Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước áp dụng đối với quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

b) Quỹ mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước tại địa phương, tài khoản thanh toán tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn để quản lý vốn điều lệ của Quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ chỉ được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều lệ này. Trong thời gian tạm thời nhàn rỗi, vốn điều lệ của Quỹ được gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn bảo đảm an toàn, hiệu quả và không ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của Quỹ.

2. Việc quản lý vốn huy động hợp pháp khác:

Việc quản lý vốn huy động hợp pháp khác thực hiện theo yêu cầu của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước có viện trợ, tài trợ, hỗ trợ cho Quỹ và pháp luật có liên quan. Vốn huy động hợp pháp khác được gửi tại Kho bạc Nhà nước tại địa phương, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn bảo đảm an toàn, hiệu quả.

3. Không được sử dụng nguồn vốn hoạt động của Quỹ vào các mục đích khác; Quỹ thực hiện hạch toán và theo dõi toàn bộ vốn hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này; không thực hiện chuyển nguồn vốn hoạt động của Quỹ sang Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa. Vốn hoạt động của Quỹ được gửi tại Kho bạc Nhà nước tại địa phương, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn bảo đảm an toàn, hiệu quả.

Điều 11. Sử dụng nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Ứng vốn cho chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị, tổ chức của Nhà nước thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở (trừ các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không phải nguồn ngân sách nhà nước).

2. Ứng vốn cho đơn vị, tổ chức theo quy định của pháp luật về đất đai để tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư, tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước.

3. Ứng vốn cho tổ chức được giao thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

4. Ứng vốn thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương V
THẨM QUYỀN, QUY TRÌNH LẬP, TỔNG HỢP, PHÊ DUYỆT
KẾ HOẠCH ỨNG VỐN TỪ QUỸ; THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH
ỨNG VỐN TỪ QUỸ; CHẾ TÀI XỬ LÝ CÁC VI PHẠM
TRONG VIỆC SỬ DỤNG, HOÀN TRẢ VỐN ỨNG

Điều 12. Thẩm quyền, quy trình lập, tổng hợp, phê duyệt Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ; thẩm quyền quyết định ứng vốn từ Quỹ

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa quy định về thẩm quyền, quy trình lập, tổng hợp, phê duyệt kế hoạch ứng vốn; thẩm quyền quyết định ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất tỉnh Thanh Hóa.

Điều 13. Điều kiện ứng vốn; hồ sơ đề nghị ứng vốn; trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn

1. Điều kiện ứng vốn:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, cụ thể:

- a) Có văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn.
- b) Có trong Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.
- c) Dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao thực hiện.
- d) Có phương án hoàn trả vốn ứng.
- đ) Vốn hoạt động của Quỹ tại thời điểm ứng vốn đáp ứng được yêu cầu ứng vốn.

2. Hồ sơ đề nghị ứng vốn:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, cụ thể:

- a) Văn bản của tổ chức được ứng vốn về việc đề nghị ứng vốn (trong đó nêu rõ kế hoạch, tiến độ thực hiện khối lượng công việc; phương án hoàn trả vốn ứng; cam kết sử dụng vốn ứng đúng mục đích và hoàn trả vốn ứng đúng thời hạn): 01 bản chính.

- b) Hồ sơ, tài liệu liên quan đến điều kiện ứng vốn quy định tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn:

- a) Trên cơ sở Kế hoạch ứng vốn đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập 01 bộ hồ sơ đề nghị ứng vốn theo quy định tại khoản 2 Điều này gửi Quỹ.

- b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc ứng vốn cho tổ chức được ứng vốn nếu đủ điều kiện hoặc có văn bản thông báo và trả lại hồ sơ cho tổ chức đề nghị ứng vốn nếu không đủ điều kiện theo quy định.

c) Căn cứ Quyết định ứng vốn của Hội đồng quản lý Quỹ, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ kiểm soát hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b khoản này và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, lập chứng từ chuyển tiền gửi Kho bạc Nhà nước tại địa phương, ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản để giải ngân cho tổ chức được ứng vốn. Chậm nhất 01 ngày làm việc, Kho bạc Nhà nước tại địa phương chuyển tiền cho đối tượng thụ hưởng theo đề nghị của Quỹ. Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản thanh toán thực hiện lệnh chuyển tiền của Quỹ cho đối tượng thụ hưởng theo quy định.

d) Việc ứng vốn được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ thực hiện và nhu cầu ứng vốn của từng dự án, nhiệm vụ. Trường hợp thực hiện ứng vốn nhiều lần cho cùng một dự án, nhiệm vụ thì tổ chức được ứng vốn có văn bản đề nghị ứng vốn và hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến việc ứng vốn theo từng lần.

Điều 14. Chi phí quản lý vốn ứng

1. Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ bằng mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ. Mức chi phí quản lý vốn ứng được xác định theo mức tại thời điểm ban hành quyết định ứng vốn lần đầu của từng dự án, từng nhiệm vụ, cố định trong cả quá trình ứng vốn và không tính theo thời gian ứng vốn.

Công thức xác định chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý vốn} \\ \text{ứng từ Quỹ} \end{array} = \frac{\text{Tổng số tiền ứng vốn thực} \\ \text{tế của từng dự án, từng} \\ \text{nhiệm vụ (trên cơ sở Quyết} \\ \text{định ứng vốn của Hội đồng} \\ \text{quản lý Quỹ)}}{\text{Mức chi phí quản lý} \\ \text{vốn ứng từ Quỹ}} \times$$

Việc chi trả chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ bố trí vốn đầu tư của từng dự án, từng nhiệm vụ.

2. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ được tính trong chi phí khác thuộc tổng mức đầu tư của dự án, dự toán của nhiệm vụ.

Điều 15. Quy định về hoàn trả vốn ứng cho Quỹ

Thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 và khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 18 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP; khoản 6 Điều 2 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP.

Điều 16. Chế tài xử lý các vi phạm trong việc sử dụng, hoàn trả vốn ứng

1. Dừng, thu hồi vốn ứng khi phát hiện tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng hoặc chậm hoàn trả vốn ứng.

2. Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức được ứng vốn để xảy ra vi phạm trong việc sử dụng vốn ứng không đúng mục đích.

3. Người đứng đầu đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan của tổ chức được ứng vốn chậm hoàn trả vốn ứng chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, QUẢN LÝ TÀI SẢN, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO

Điều 17. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên.

Điều 18. Các khoản thu, chi của Quỹ

1. Các khoản thu của Quỹ, gồm:

a) Khoản thu từ chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này.

b) Lãi tiền gửi theo quy định của pháp luật.

c) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi của Quỹ, gồm:

a) Chi phí ủy thác quản lý Quỹ cho Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa bằng 50% khoản thu được quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Chi các khoản phụ cấp và các khoản chi khác cho các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

d) Các khoản chi khác trực tiếp phục vụ cho hoạt động của Quỹ được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.

3. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ để làm căn cứ thực hiện, quản lý việc chi tiêu của Quỹ.

4. Không sử dụng vốn điều lệ của Quỹ để chi cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này. Chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định được bổ sung vốn điều lệ của Quỹ.

5. Quỹ có trách nhiệm quyết toán các khoản thu, chi của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Chế độ kế toán, báo cáo

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

2. Hằng năm, Quỹ có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính năm của Quỹ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Báo cáo tài chính năm của Quỹ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VII
MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM

Điều 20. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ là cơ quan trực tiếp lãnh đạo mọi mặt hoạt động của Quỹ để đạt được mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định theo thẩm quyền. Giám đốc Quỹ báo cáo, xin ý kiến về các vấn đề cụ thể theo Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ; tham mưu cho Hội đồng quản lý Quỹ chuẩn bị nội dung và tổ chức các phiên họp của Hội đồng quản lý Quỹ; thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Hoạt động của Quỹ chịu sự kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ của Ban kiểm soát Quỹ. Giám đốc Quỹ cung cấp đầy đủ các báo cáo, hồ sơ, chứng từ một cách kịp thời, minh bạch theo yêu cầu của Ban kiểm soát Quỹ; kịp thời tổ chức thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát Quỹ.

Điều 21. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Quỹ với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, các tổ chức được ứng vốn và Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa

1. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh: Chấp hành lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, chịu sự kiểm tra, giám sát của Ủy ban nhân dân tỉnh trong hoạt động của Quỹ. Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ theo yêu cầu.

2. Đối với các sở, ban, ngành có liên quan: Phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của mỗi bên nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Có trách nhiệm cung cấp thông tin, chịu sự kiểm tra, giám sát của các sở, ban, ngành có liên quan đối với hoạt động của Quỹ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Đối với tổ chức được ứng vốn: Thường xuyên phổ biến thông tin kịp thời về kế hoạch ứng vốn, quy định ứng vốn, hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục ứng vốn của Quỹ để tổ chức được ứng vốn biết, phối hợp thực hiện.

4. Đối với Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa: Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa chịu trách nhiệm về hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, Nghị định số 291/2025/NĐ-CP, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Chương VIII

XỬ LÝ CHUYỂN TIẾP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Xử lý chuyển tiếp

1. Trường hợp Quỹ đã ứng vốn theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tạo quỹ đất theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà đến thời điểm Điều lệ này có hiệu lực thi hành còn đang thực hiện thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ được thực hiện như sau:

a) Đối với trường hợp đã xác định nguồn hoàn trả vốn ứng cho Quỹ từ nguồn vốn của dự án hoặc nguồn đã được xác định theo quy định thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ từ nguồn vốn của dự án thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP và khoản 6 Điều 2 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP hoặc từ nguồn đã được xác định theo quy định.

b) Đối với các trường hợp không thuộc điểm a khoản này thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

2. Đối với các khoản ứng vốn từ Quỹ trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành thì chi phí quản lý vốn ứng thực hiện theo Quyết định ứng vốn của Quỹ, Hợp đồng ứng vốn giữa Quỹ và tổ chức được ứng vốn.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ, Quỹ đầu tư phát triển Thanh Hóa và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến Quỹ chịu trách nhiệm thực hiện Điều lệ này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ này, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, sửa đổi bổ sung theo quy định của pháp luật./.